TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/HNGĐ - ST
Ngày 16/9/2019
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Trung
2. Ông Nguyễn Ngọc Khương

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 456/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2019, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXX-ST ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1959
Địa chỉ: Thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
Bị đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Đức H và bà Đinh Thị T là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30/01/1980; quá trình sống chung có 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980, Nguyễn Phi L, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Hương N, sinh năm 1982 đều đã thành niên và có gia đình riêng.

Trong quá trình sống chung chúng tôi hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính tình, cách sống, vợ chồng không thông cảm chia sẽ cho nhau, thường xuyên xảy ra cải nhau, thiếu sự quan tâm chăm

sóc lẫn nhau, mâu thuẫn xảy ra đã lâu không có hướng giải quyết, mâu thuẫn trở nên trầm trọng là từ khoảng tháng 8/2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông H xác định trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H ly hôn với bà Đinh Thị T.

Về con chung: 03 con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Đức H là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai ngày 30/01/1980; quá trình sống chung chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980, Nguyễn Phi L, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Hương N, sinh năm 1982 hiện đã thành niên và có gia đình riêng.

Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Đức H là do không hợp nhau về tính tình, cách sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẽ với nhau từ tháng 08/2018 cho đến nay, nguyên nhân là do sự hiểu nhầm những chuyện trong cuộc sống hàng ngày.

Nay bà T xác định trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nhưng bà T vẫn chưa đồng ý ly hôn. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng thì không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, mà chỉ họp trong gia đình nhưng không khắc phục được.

Nếu ông H cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Đinh Thị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30 tháng 01 năm 1980 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian dài sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ đầu tháng 8/2018 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay.

Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn bà T. Bà Đinh Thị T xác định trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết ông H và bà T có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng hay không thì không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, vì vậy, chính quyền địa phương không nắm được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hòa giải để cải thiện cuộc sống vợ chồng mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù H với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980, Nguyễn Phi L, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Hương N, sinh năm 1982 hiện đều đã thành niên và có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0001730 ngày 11/6/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H xin ly hôn bà Đinh Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H được ly hôn bà Đinh Thị T.

Về con chung: 03 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980, Nguyễn Phi L, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Hương N, sinh năm 1982 hiện đều đã thành niên và có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0001730 ngày 11/6/2019.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh